

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 552, tổ 9, ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã K, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày: Chị và anh N cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân do cha mẹ mai mối và chị cũng đồng ý lấy anh N làm chồng, không ai ép buộc. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2019 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh N đánh chị nhiều lần nhưng không có báo chính quyền địa phương và không còn sống chung với nhau. Sau khi không còn sống chung với nhau, không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 02 chung tên Nguyễn Dương Thiên P, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Dương Thiên A, sinh

ngày 19/6/2012, đang sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, nay chị thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị T cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau nhiều lần, đến giữa năm 2019 thì vợ chồng tiếp tục cự cãi nhau nhiều nên vợ anh bỏ về nhà cha mẹ vợ sinh sống. Tết nguyên đán năm 2020, chị T có dẫn hai con về nhà nội chơi chiều về, ngoài ra vợ chồng cũng có gọi điện thoại cho nhau, không có gặp nhau. Trong lúc cự cãi nhau, anh có đánh vợ anh hai lần, không có gây thương tích. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Về con chung: Có 02 chung tên Nguyễn Dương Thiên P, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Dương Thiên A, sinh ngày 19/6/2012, đang sống cùng chị T, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dương Thiên A, sinh ngày 19/6/2012, không yêu cầu cấp dưỡng và anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị T; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N và yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn N cư trú tại ấp Long Thái, xã Long Khánh B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn N cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/4/2007 phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa, chỉ có trình bày trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06 tháng 02 năm 2020 (Bút lục số 22). Trong

lời trình bày thì anh N có thừa nhận đã đánh chị T hai lần trong lúc cãi nhau, đây là hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa chị T và anh N không còn hạnh phúc. Từ các phân tích trên đã có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị T là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Dương Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Dương Thiên P, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Dương Thiên Â, sinh ngày 19/6/2012 là có cơ sở chấp nhận vì: Các con chung đang sống cùng chị T, nguyện vọng của các con chung muốn sống cùng chị T. Tuy anh N có yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Dương Thiên Â, sinh ngày 19/6/2012, nhưng khi Tòa án tiến hành yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ để chứng minh khả năng nuôi con thì các đương sự không ai cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên giữ nguyên cuộc sống hiện tại của các con chung, không cần thay đổi môi trường sống của con chung sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống các cháu, vì vậy không chấp nhận yêu cầu của anh N là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị T thay đổi yêu cầu so với nội dung trong đơn khởi kiện về cấp dưỡng là không yêu cầu anh N cấp dưỡng phù hợp với quy định nên chấp nhận sự thay đổi của chị T.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh N đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

2.4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018/0001212 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Dương Thị T không phải nộp thêm.

4.2. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị T. Cho chị Dương Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Dương Thiên P, sinh ngày 25/5/2009 và Nguyễn Dương Thiên Â, sinh ngày 19/6/2012 (Đang sống cùng chị T) cho chị Dương Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1 Chị Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018/0001212 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Dương Thị T không phải nộp thêm.

3.2 Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc